

Số: 206/2023/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 06 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 820/2022/HNST ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Trần Quốc P, sinh năm 1988; địa chỉ: B A, Phường C, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng;

2. Bà Trần Vũ Minh T, sinh năm 1988; địa chỉ: A Đường D, Tổ D, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa Bà Trần Vũ Minh T và ông Trần Quốc P qua tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52 đăng ký ngày 26/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Vợ chồng chung sống được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, đã cùng nhau khắc phục, sửa chữa nhưng không thành. Đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 54, Quyền số 01/2019 ngày 23/2/2019 và Giấy khai sinh số 70 ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Trần Quốc P và bà Trần Vũ Minh T, ông bà có 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Cát T1 (nữ), sinh ngày 07/01/2019 và Trần Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 18/01/2021. Sau khi ly hôn, ông Trần Quốc P sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ

Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 07/01/2019; bà Trần Vũ Minh T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/01/2021; cả hai thỏa thuận không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông P và bà T xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông P và bà T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: ông Trần Quốc P và bà Trần Vũ Minh T chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc P và bà Trần Vũ Minh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52 đăng ký ngày 26/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 54, Quyền số 01/2019 ngày 23/2/2019 và Giấy khai sinh số 70 ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố H; cùng lời thừa nhận của ông Trần Quốc P và bà Trần Vũ Minh T, ông bà có 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Cát T1 (nữ), sinh ngày 07/01/2019 và Trần Ngọc Như Ý (nữ), sinh ngày 18/01/2021.

Sau khi ly hôn, ông Trần Quốc P sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 07/01/2019; bà Trần Vũ Minh T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/01/2021; ghi nhận cả hai tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông P và bà T có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Vũ Minh T và ông Trần Quốc P phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0015316 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Vũ Minh T và ông Trần Quốc P đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong